

Bản án số: **41/2026/DS-ST**

Ngày: 17/3/2026

V/v T/C Hợp đồng góp hụi và vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Hiếu.
2. Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10-Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Trong ngày 16 và 17/3/2026, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 13/2026/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2026 về việc “Tranh chấp Hợp đồng góp hụi và vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2026/QĐXXST-DS ngày 02/02/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2026/QĐST-DS ngày 26/02/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1962 (có mặt)

CCCD số 094162010642

Địa chỉ: Ấp F, xã Đ, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn:

1. Bà **Dương Thị Cẩm H**, sinh năm 1971 (vắng mặt)

CCCD số 094171007498

2. Ông **Phạm Văn S**, sinh năm 1962 (vắng mặt)

CCCD số: 094062008734

Cùng địa chỉ: Ấp F, xã Đ, thành phố Cần Thơ.

- Người làm chứng:

Bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp F, xã Đ, thành phố Cần Thơ.

Bà **Nguyễn Thị Kim C**, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp F, xã Đ, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà T có mở các dây hụi tháng và bà Dương Thị Cẩm H có tham gia hụi của bà. Tại Biên bản hòa giải cơ sở ngày 02/8/2024, bà và bà H đã chốt số bà H còn nợ bà là 113.000.000 đồng (nợ hụi) và số vàng vay là 05 chỉ vàng 24k (nợ vay). Tại Bản án số 288/2024/DS-ST ngày 08/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã giải quyết buộc bà H có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 69.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k trong tổng số nợ nêu trên, số còn lại là tiền nợ hụi 44.000.000 đồng chưa đến hạn do hụi chưa mãn nên chưa yêu cầu giải quyết. Nay bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà H trả lại số nợ còn lại là 44.000.000 đồng (thay vì 69.000.000 đồng như đơn khởi kiện, đồng thời rút yêu cầu khởi kiện đối với số vàng 05 chỉ vàng 24k do đã xét xử tại Bản án số 288/2024/DS-ST ngày 08/11/2024; rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn ông Phạm Văn S có nghĩa vụ liên đới đối với bà H trả các khoản nợ hụi trên.

Đối với bị đơn bà Dương Thị Cẩm H và ông Dương Văn S1: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết cho đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông bà nhưng ông bà không tham gia tố tụng nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và ý kiến của ông bà.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, các bị đơn vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy, tại phiên tòa, bị đơn bà Dương Thị Cẩm H và ông Dương Văn S1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

Hội đồng xét xử thấy rằng, Tại Bản án số 288/2024/DS-ST ngày 08/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (đang có hiệu lực pháp luật) đã giải quyết buộc bà H có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 69.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k trong tổng số nợ 113.000.000 đồng (nợ hụi) và số vàng vay là 05 chỉ vàng 24k (nợ vay). Số còn lại là 44.000.000 đồng chưa giải quyết do thời điểm đó hụi chưa mãn nên chưa đến hạn. Nay bà T thay đổi yêu cầu bà H trả số tiền 44.000.000 đồng, thay vì là 69.000.000 đồng như đơn khởi kiện. Đồng thời, bà T đã tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà H trả lại 05 chỉ vàng 24k và yêu cầu buộc ông S1 có nghĩa vụ liên đới với bà H trả số nợ còn lại với bà T là phù hợp với Bản án số 288/2024/DS-ST

ngày 08/11/2024 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo khoản 1 và 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Bà T và bà H có giao dịch hui do bà T làm chủ hui, bà H đã hót hui và đã được nhận tiền hui hót, có hui viên là bà Nguyễn Thị H1 và bà Nguyễn Thị Kim C hiểu biết. Tại Biên bản hòa giải ngày 02/8/2024, các bên đã đối chiếu nợ với nhau. Theo đó, bà H còn nợ bà T số tiền hui là 113.000.000 đồng. Tòa án đã giải quyết số tiền nợ hui là 69.000.000 đồng bằng Bản án số 288/2024/DS-ST ngày 08/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Số nợ hui còn lại là 44.000.000 đồng chưa giải quyết do chưa đến hạn. Nay các dây hui đã mãn, bà T yêu cầu bà H tiếp tục trả số tiền nợ hui còn lại là 44.000.000 đồng.

[2.2] Hội đồng xét xử cho rằng, Hợp đồng góp hui giữa bà T và bà H được lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, khi giao kết hợp đồng, các đương sự là những người có đủ năng lực hành vi dân sự nên giao dịch trên giữa các đương sự là hợp pháp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng góp hui, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ, khi không trả tiền hui chót đầy đủ cho nguyên đơn. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ nên cần áp dụng Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 16, 17 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biên, phường; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 44.000.000 đồng x 5% = 2.200.000 đồng.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 227, 228; Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Điều 16, Điều 17 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biên, phường;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

TUYÊN XỬ:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu bà Dương Thị Cẩm H và ông Phạm Văn S có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T 05 chỉ vàng 24k. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu

bị đơn ông Phạm Văn S có trách nhiệm liên đới với bà H trả cho bà T số tiền nợ hụi 44.000.000 đồng (yêu cầu khởi kiện ban đầu là 69.000.000 đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Buộc bị đơn bà Dương Thị Cẩm H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T số tiền nợ hụi là 44.000.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải có trách nhiệm trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Dương Thị Cẩm H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.200.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND khu vực 10 – Cần Thơ;
- THADS TP. Cần Thơ
(Phòng THADS khu vực 10 – Cần Thơ);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh Đa